

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-PT

Ngày 06 - 8 - 2020

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn

Các Thẩm phán: 1. Ông Đặng Phi Long

2. Ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09/7/2020 và ngày 06/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2020/QĐPT-DS ngày 28/4/2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐ-PT ngày 22/5/2020, số 38/2020/QĐ-PT ngày 11/6/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 163/2020/QĐ-PT ngày 09/7/2020 và Thông báo tiếp tục phiên tòa xét xử phúc thẩm số 376/TB-PT ngày 28/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N.

Cùng địa chỉ: Thôn L 2, xã C, huyện B (nay là thành phố L), tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T - Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Đình Đ.

Địa chỉ: Thôn L 2, xã C, huyện B (nay là thành phố L), tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị N
- Anh Vũ Văn V.

Cùng địa chỉ: Thôn L 2, xã C, huyện B (nay là thành phố L), tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Vũ Đình Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, anh Vũ Văn V: Bà Nguyễn Thị D - Nơi cư trú: Tổ 5, phường H, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/9/2019). Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Vũ Đình Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Trước chiến tranh biên giới phía Bắc tháng 02/1979, diện tích đất hộ gia đình ông Trần Quang Y đang ở và quản lý do Đoàn địa chất 304 quản lý và sử dụng, sau chiến tranh đất bỏ hoang. Năm 1989 gia đình ông Y đã khai hoang phục hóa và sử dụng ổn định đến nay. Năm 1992 và năm 1996 gia đình ông Y thuê máy xúc lấp dòng suối giáp đất của hộ gia đình để làm nơi tập kết cát, sau đó trồng tre mai, chuối và rau màu, một phần đất cho bà Vũ Thị N thuê làm nhà tạm cho người làm thuê ở. Năm 2005 hộ gia đình ông Trần Quang Y kê khai và được cấp quyền sử dụng đất đối với đất ở từ giáp hành lang quốc lộ 4D cho đến ta luy âm (giáp dòng suối đã san lấp), còn phía sau là diện tích đất hiện đang tranh chấp, do chưa có tiền nộp thuế chưa kê khai nên chưa được cấp quyền sử dụng đất và chưa được đăng ký trong sổ mục kê. Năm 2018 hộ gia đình ông Vũ Đình Đ và bà Nguyễn Thị N đã tự ý chặt phá bụi tre mai và đổ đất san gạt mặt bằng lên 02 thửa đất của hộ gia đình ông Y nên xảy ra tranh chấp, cụ thể 02 thửa đất tranh chấp có diện tích và ranh giới như sau:

Thửa thứ 1: Diện tích khoảng 661,5m² có ranh giới tứ cận như sau: Hướng Đông Bắc giáp đất của hộ gia đình bà Vũ Thị Tuyết H; hướng Đông Nam giáp đất của hộ ông Vũ Đình Đ; hướng Tây Nam giáp đất hộ ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N; hướng Tây Bắc giáp đất thổ cư của các hộ gia đình ông Trần Quang Y, ông Phạm Ngọc T, ông Nguyễn Tiến C (đất của hộ gia đình ông Tâm và hộ gia đình ông C đều nhận chuyển nhượng từ đất của hộ gia đình ông Y trước đây). Thửa đất trên sau khi xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc có diện tích thực tế là 380,5m².

Thửa thứ 2: Diện tích khoảng 260m² có ranh giới tứ cận như sau: Hướng Tây Bắc giáp đất hộ gia đình ông Y cho bà Vũ Thị N thuê; hướng Đông Bắc giáp đất vườn hộ ông Vũ Đình Đ; hướng Đông Nam giáp suối Ngòi Đum; hướng Tây Nam giáp đất bà Vũ Thị N. Thửa đất trên sau khi đo đạc có diện tích thực tế là 295m².

Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hai hộ gia đình đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã C hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định quyền sử dụng diện tích 02 thửa đất đang tranh chấp giữa hộ ông Trần Quang Y và hộ ông Vũ Đình Đ. Buộc hộ gia đình ông Vũ Đình Đ chấm dứt việc tranh chấp 02 thửa đất trên, trả lại diện tích 02 thửa đất nêu trên cho hộ gia đình ông Trần Quang Y, để hộ ông Y kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn Vũ Thị N đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất thứ 2 có diện tích theo đo đạc là 295m², vì thửa đất trên đã được UBND huyện B, tỉnh Lào Cai xác định thuộc suối và hành lang suối Ngòi Đum.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp đều trình bày:

Toàn bộ khu đất khu đất gia đình ông Vũ Đình Đ đang ở và quản lý là đất trước đây Đoàn địa chất 304 quản lý và sử dụng, sau chiến tranh biên giới phía Bắc tháng 02/1979, sư đoàn 355 quản lý, khi sư đoàn 355 chuyển đi bàn giao đất và tài sản trên đất cho UBND xã C, huyện B quản lý. Năm 1993, hộ gia đình ông Đ mua thanh lý của xã C toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất bao gồm cả diện tích 02 thửa đất đang tranh chấp với hộ ông Trần Quang Y (có biên bản và sơ đồ giao đất tại thực địa). Khi đó suối Ngòi Đum có hai dòng chảy một dòng giáp đất hộ ông Đ được giao, ở giữa 02 dòng chảy là bãi soi, năm 1999 gia đình ông Đ đã cải tạo, san lấp 01 dòng chảy giáp đất ông được giao để sử dụng cả bãi soi trồng rau màu. Năm 1998 cán bộ địa chính xã C đã đến đo đạc và vẽ sơ đồ, tổng diện tích đất của hộ gia đình ông là 3.400m². Năm 2010, hộ gia đình ông Đ được cấp GCNQSDĐ nhưng diện tích đất được cấp chỉ có 1.755m² trong đó có 400m² đất ở và 1.355m² đất vườn và không có diện tích 02 thửa đất hiện 02 hộ đang tranh chấp. Năm 2018 gia đình ông Đ tiến hành đắp đất để nâng cao mặt bằng tránh lũ thì hộ gia đình ông Y bà N ngăn cản nên xảy ra tranh chấp. Gia đình ông Đ không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 100; Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai 2013 và các Điều 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 218; Điều 219; Điều 244; khoản 1 Điều 147; Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N.

2. Xác nhận diện tích đất 380,5m² theo kết quả đo đạc ngày 12/11/2019, địa chỉ thửa đất tại Thôn L 2, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N. Đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc: Giáp đất nhà bà Vũ Thị Tuyết H đang sử dụng, ranh giới là tường rào xây bằng gạch có chiều dài là 19,6 m.

- Hướng Đông Nam: Giáp đất của hộ gia đình ông Vũ Đình Đ đang sử dụng có chiều dài là 18,6 m.

- Hướng Tây Nam: Giáp đất vườn hộ gia đình ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N có chiều dài là 21,97 m.

- Hướng Tây Bắc: Giáp đất ở của các hộ gia đình ông Phạm Ngọc T, ông Nguyễn Tiến C, ông Trần Quang Y có chiều dài là 13,5m.

(Có bảng kê tọa độ và sơ đồ bản vẽ kèm theo và đây là phần không thể tách rời của bản án).

Buộc ông Vũ Đình Đ, bà Nguyễn Thị N, anh Vũ Văn V chấm dứt việc tranh chấp, trả lại cho hộ gia đình ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N toàn bộ diện tích đất đã chiếm giữ nêu trên.

Hộ gia đình ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N đối với thửa đất có diện tích qua đo đặc xem xét tại chỗ ngày 12/11/2019 là 295m².

- Hướng Tây Bắc: Giáp đất hộ gia đình ông Trần Quang Y có chiều dài 26,63 m.

- Hướng Đông Bắc: Giáp đất vườn hộ gia đình ông Vũ Đình Đ có chiều dài là 8,94 m.

- Hướng Đông Nam: Giáp suối Ngòi Đum có chiều dài 27,59 m.

- Hướng Tây Nam: Giáp đất của bà Vũ Thị N có chiều dài 13,42 m.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

Ngoài ra bản án còn tuyên về về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 02/3/2020, bị đơn ông Vũ Đình Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Vũ Đình Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định theo điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Vũ Đình Đ, giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp, ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1]. Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Theo Biên bản xác minh ngày 18/12/2019 tại UBND xã C, huyện B thì đại diện chính quyền địa phương cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp trước năm 1989 là taluy âm, sau đó đến dòng nước chảy của Suối Ngòi Đum. Người làm chứng ông Bùi Tiến D - Trưởng Thôn L 2, xã C, huyện B trình bày các thửa đất đang tranh chấp trước kia là dòng nước suối Ngòi Đum. Ông Nguyễn Văn T là người cùng thôn trình bày khu đất đang tranh chấp là đoạn suối có hai dòng nước chảy, ở giữa suối có một soi đất, một dòng chảy giáp vào bờ đất của Địa chất 304 cũ.

[1.2]. Về quá trình sử dụng đất:

Nguyên đơn ông Trần Quang Y, bà Vũ Thị N cho rằng gia đình ông bà đã sử dụng đất để trồng hoa màu từ năm 1989, sau đó có trồng tre, mai, trồng màu, chuối và một phần đất cho thuê. Những người làm chứng là chị Lê Thị N, bà Trịnh Phúc H, bà Nguyễn Thị Thanh H, chị Nguyễn Thị Thanh H2 là hàng xóm sinh sống gần khu vực đất đang chấp xác nhận từ năm 2004 - 2007, 2013 thì gia đình ông Y bà N sử dụng đất để trồng hoa màu, đến năm 2018 mới phát sinh tranh chấp với ông Vũ Đình Đ. Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Đức T1 xác nhận năm 1992 được gia đình bà N thuê san gạt đất để làm bãi tập kết cát trên phần diện tích đất đang tranh chấp. Ông Hoàng Văn T xác nhận năm 2004 ông T là lái xe của Công ty Tân Phú Lào Cai là đơn vị được gia đình bà N thuê đồ đất san gạt mặt bằng, ông có lái xe chở đất đổ vào diện tích đất hiện tại đang tranh chấp. Ông Lìn Văn P là Chủ tịch UBND xã C từ năm 1988 đến năm 1994 xác nhận vào năm 1993 thấy hộ bà N thuê máy gạt để san gạt đất phía sau nhà làm bãi tập kết cát, từ đó đến nay hộ bà N vẫn đang sử dụng đất. Như vậy, lời khai của nguyên đơn ông Y bà N phù hợp với lời khai của những người làm chứng về quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp của hộ gia đình.

Bị đơn ông Vũ Đình Đ cho rằng gia đình ông đã sử dụng ổn định diện tích đất tranh chấp từ năm 1993, diện tích đất tranh chấp là một phần trong diện tích

đất mà ông mua thanh lý của UBND xã C và đã được bàn giao theo Văn bản bàn giao ngày 04/3/1993. Theo Văn bản bàn giao mặt bằng sản xuất vật liệu khu 304 ngày 04/3/1993 thì UBND xã C đã bàn giao, cho phép ông Đ được quản lý, sử dụng lại mặt bằng 304, văn bản có xác nhận của ông Lìn Văn P là Chủ tịch UBND xã tại thời điểm bàn giao. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2019, ông Lìn Văn P xác nhận vào năm 1993 đã giao đất cho hộ ông Đ mua thanh lý của xã, tuy nhiên diện tích đất phía sau hộ gia đình bà N không giao cho ông Đ. Ông Đ chỉ cung cấp cho Tòa án Văn bản bàn giao đất ngày 04/3/1993, nhưng nội dung văn bản không ghi chi tiết vị trí, diện tích, ranh giới diện tích đất bàn giao. Những người làm chứng là ông Nguyễn Văn D, ông Bùi Tiến D, bà Vũ Thị K đều chỉ xác nhận diện tích đất tranh chấp trước kia là ta luy âm và dòng suối, còn ai san lấp, sử dụng thì họ không biết. Như vậy, việc ông Đ cho rằng ông mua thanh lý toàn bộ diện tích đất do UBND xã C quản lý bao gồm cả diện tích đất đang tranh chấp là không có căn cứ.

[1.3]. Ông Vũ Đình Đ cho rằng diện tích đất 380,5m² đang tranh chấp nằm trong diện tích hơn 3.400m² đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông từ năm 1999. Đối với nội dung này thì các tài liệu trong hồ sơ thể hiện như sau:

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/11/2019 do Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai thể hiện: Ông Vũ Đình Đ tự mình xác định ranh giới, diện tích đất đang tranh chấp và nhất trí với kết quả đo đạc. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và xác minh tại UBND xã C, trả lời của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B đều khẳng định diện tích đất đang tranh chấp chưa được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân nào.

Ngày 30/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của ông Vũ Đình Đ. Đối với sơ đồ diện tích đất bàn giao cho ông Vũ Đình Đ theo Quyết định số 04/QĐ-UB ngày 06/01/1999 của UBND huyện B, tỉnh Lào Cai do không có tọa độ, kích thước nên tổ đo đạc không tiến hành lồng ghép được, mà chỉ dựng hình theo mô tả của ông Đ. Kết quả đo đạc tại thực địa theo mô tả của ông Vũ Đình Đ, tổ đo đạc đã dựng hình và lồng ghép lên sơ đồ trích đo phục vụ phiên xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện B thực hiện ngày 12/11/2019 thì có 154,4m² đất nằm trong diện tích 380,5m² đất là thửa đất đang tranh chấp.

Do sơ đồ giao đất kèm theo Quyết định số 04/QĐ-UB ngày 06/01/1999 của UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp cho hộ ông Đ không có tọa độ, kích thước nên kết quả thẩm định tại chỗ ngày 30/7/2020 không có đủ căn cứ để chứng minh một phần diện tích 154,4m² nằm trong 380,5m² đất đang tranh chấp giữa hộ ông Vũ Đình Đ và hộ bà Vũ Thị N là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Vũ Đình Đ.

[1.4]. Đối với nội dung kháng cáo về việc Tòa án nhân dân huyện B vi phạm thủ tục tố tụng là không đưa UBND xã C vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đây là vụ án “*Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai*” giữa hộ gia đình, cá nhân với nhau. Theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc giải quyết

vụ án không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của UBND xã C. Vì vậy, không có căn cứ để đưa UBND xã C vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Từ những phân tích trên thấy rằng, ông Vũ Đình Đ không chứng minh được quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 380,5m² đang tranh chấp với hộ ông Trần Quang Y, bà Vũ Thị N. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của ông Đ là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện ngày 30/7/2020 theo đề nghị của bị đơn ông Vũ Đình Đ: Xét thấy kháng cáo của ông Vũ Đình Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện.

[4]. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Tòa án sơ thẩm tuyên bị đơn ông Vũ Đình Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn ông Trần Quang Y, bà Vũ Thị N là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong bản án sơ thẩm có sự sai sót về ngày của Biên lai thu tạm ứng án phí. Vì vậy, tại bản án phúc thẩm đính chính lại cho phù hợp, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ nên người kháng cáo là ông Vũ Đình Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Đình Đ. Giữ nguyên toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 100; Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai 2013 và các Điều 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 218; Điều 219; Điều 244; khoản 1 Điều 147; Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N.

1.2. Xác nhận diện tích đất 380,5m² theo kết quả đo đạc ngày 12/11/2019, địa chỉ thửa đất tại Thôn L 2, xã C, huyện B (nay là thành phố L), tỉnh Lào Cai

thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N. Đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc: Giáp đất nhà bà Vũ Thị Tuyết H đang sử dụng, ranh giới là tường rào xây bằng gạch có chiều dài là 19,6 m.

- Hướng Đông Nam: Giáp đất của hộ gia đình ông Vũ Đình Đ đang sử dụng có chiều dài là 18,6 m.

- Hướng Tây Nam: Giáp đất vườn hộ gia đình ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N có chiều dài là 21,97 m.

- Hướng Tây Bắc: Giáp đất ở của các hộ gia đình ông Phạm Ngọc T, ông Nguyễn Tiến C, ông Trần Quang Y có chiều dài là 13,5m.

(Có bảng kê tọa độ và sơ đồ bản vẽ kèm theo và đây là phần không thể tách rời của bản án).

Buộc ông Vũ Đình Đ, bà Nguyễn Thị N, anh Vũ Văn V chấm dứt việc tranh chấp, trả lại cho hộ gia đình ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N toàn bộ diện tích đất đã chiếm giữ nêu trên.

Hộ gia đình ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật về đất đai.

1.3. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N đối với thửa đất có diện tích qua đo đặc xem xét tại chỗ ngày 12/11/2019 là 295m².

- Hướng Tây Bắc: Giáp đất hộ gia đình ông Trần Quang Y có chiều dài 26,63 m.

- Hướng Đông Bắc: Giáp đất vườn hộ gia đình ông Vũ Đình Đ có chiều dài là 8,94 m.

- Hướng Đông Nam: Giáp suối Ngòi Đum có chiều dài 27,59 m.

- Hướng Tây Nam: Giáp đất của bà Vũ Thị N có chiều dài 13,42 m.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Bị đơn ông Vũ Đình Đ phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm là 7.987.000đ (*Bảy triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng*). Xác nhận nguyên đơn ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N đã nộp tạm ứng số tiền trên. Do vậy ông Vũ Đình Đ phải hoàn lại toàn bộ số tiền chi phí thẩm định xem xét tại chỗ cho bà Vũ Thị N là 7.987.000đ (*Bảy triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

Ông Vũ Đình Đ phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm với số tiền là 10.400.000 đồng (*Mười triệu bốn trăm ngàn đồng*). Xác nhận ông Vũ Đình Đ đã nộp đủ số tiền này tại Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Vũ Đình Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Nguyên đơn ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Trần Quang Y và bà Vũ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003283 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

3.2. Ông Vũ Đình Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2012/0003366, ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Ông Vũ Đình Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Toàn